



## Thế giới nhân vật nạn nhân da cam trong tiểu thuyết *Hồ đồ* của Phùng Văn Khai

Nguyễn Thùy Trang, Nguyễn Thị Thu Hằng, Trần Đình Nhân

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

### THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 18/8/2025

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 13/10/2025

Ngày nhận đăng: 14/10/2025

Ngày xuất bản: 20/10/2025

Từ khóa:

Chiến tranh ở Việt Nam

Hồ đồ

Nạn nhân da cam

Nhân vật

Phùng Văn Khai

### TÓM TẮT

Khi viết về chiến tranh và hậu chiến, Phùng Văn Khai đã đề cập đến nạn nhân da cam như một cách thức đối thoại, truy vấn về quá khứ từ nỗi đau con người. Vận dụng phương pháp tiếp cận thi pháp học, kết hợp liên ngành y học, lịch sử và xã hội học, bài báo làm sáng tỏ hệ thống nhân vật đặc thù này, phân tích những biểu hiện thân thể, đời sống tinh thần và giá trị nhân văn mà nhà văn truyền tải qua tiểu thuyết *Hồ đồ*. Nội dung được triển khai trên các phương diện: (1) phụ nữ với sự ám ảnh và tuyệt vọng trên hành trình sinh nở, hôn nhân; (2) những đứa trẻ vô tội vùng vẫy giữa đột biến gene và khát vọng làm người; (3) người lính ở hai chiến tuyến hướng tới sự hòa giải dân tộc từ bi kịch nhân sinh. Qua đó, bài báo góp phần bổ sung vào nghiên cứu diễn ngôn văn học về hậu quả chiến tranh hóa học, khơi dậy sự đồng cảm xã hội và khẳng định giá trị nhân đạo của tác phẩm.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề cập về thế giới nhân vật là nói đến quan niệm nhân sinh và tư duy thẩm mỹ của nhà văn. Bởi nhân vật được coi như “đứa con tinh thần” của tác giả, là linh hồn tác phẩm, truyền tải nội dung, thông điệp cuộc sống. Tuy nhiên, mỗi trường phái nghiên cứu lại có những quan điểm khác nhau về nhân vật. Trong công trình *Từ điển thuật ngữ văn học (A Glossary of Literary Terms)*, M. H. Abrams và Geoffrey Galt Harpham nhận định: “nhân vật là những con người được thể hiện trong các tác phẩm tự sự hoặc kịch, được người đọc diễn giải và hình dung như những cá thể có phẩm chất đạo đức, trí tuệ và cảm xúc riêng biệt. Những phẩm chất này được người đọc suy ra từ những gì nhân vật nói và cách họ nói (đối thoại), cũng như từ hành động mà họ thực hiện trong tác phẩm. Các yếu tố về tính cách, khát vọng, đạo đức hình thành cơ sở cho lời nói và hành động của nhân vật được gọi là động cơ (motivation)” (Abrams & Harpham, 2009, p. 43). Với quan niệm này, các nhà nghiên cứu phương Tây cho rằng, nhân vật không chỉ là một yếu tố cấu thành tác phẩm, mà còn là phương tiện để nhà văn đối thoại, thể hiện những cảm nhận về con người. Ở Việt Nam, từ góc độ tiếp nhận văn học, công trình *Lí luận văn học* định nghĩa: “nhân vật là con người được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm bằng phương tiện văn học” (Phương Lưu, 2002, p. 277). Hướng tiếp cận cấu trúc cho rằng, nhân vật như “tác tố, chủ thể của mọi hành vi, tác động, tham gia vào cốt truyện. Nó là tiêu điểm của các sự kiện” (Nguyễn Thái Hòa, 2006, p. 161). Như vậy, nhân vật can dự vào tác phẩm, trở thành yếu tố quan trọng định hướng hình thức nghệ thuật, cấu thành nên các ý niệm, diễn giải thông điệp của nhà văn. Mỗi giai đoạn sẽ có những góc nhìn khác nhau về đời sống, vì thế, cách thức tạo dựng thế giới nhân vật cũng có những chuyển biến qua từng thời kì.

Đầu thế kỉ XXI, văn học phát triển trên tinh thần đối thoại đa phương với hiện thực, vượt thoát khuôn khổ nghệ thuật truyền thống, nắm bắt xu thế toàn cầu hóa. Do đó, xây dựng nhân vật trở thành chiến lược trọng tâm của đổi mới thi pháp tiểu thuyết: một mặt hướng đến sự cách tân thể loại, mặt khác nó biểu đạt muôn hình vạn trạng bản chất phức tạp của đời sống. Trường hợp thế giới nhân vật trong tiểu thuyết *Hồ đồ* của

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thùy Trang

Địa chỉ e-mail: [nguyenthuytrang@hueuni.edu.vn](mailto:nguyenthuytrang@hueuni.edu.vn)

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.047.2025>

Phùng Văn Khai là sự diễn giải cho cả hai trường hợp trên. Không theo kĩ thuật xây dựng nhân vật thông thường, nhà văn sử dụng bút pháp huyền ảo, mờ hóa, đa thanh để kiến tạo thế giới nạn nhân da cam nhằm tiến hành một cuộc lật giở quá khứ trong sự soi chiếu nỗi đau con người, qua đó mở rộng phạm vi phản ánh chiến tranh. Dẫu biết rằng, lựa chọn đối tượng nhân vật trung tâm là những nạn nhân da cam, Phùng Văn Khai đang đi vào con đường đầy thách thức trong sáng tạo nghệ thuật. Vì cho đến nay, trong các chủ đề, đề tài chiến tranh Việt Nam, cảm hứng về nạn nhân da cam không phải là thế mạnh nổi trội của nhiều nhà văn, mặc dù đây là mảnh đất có đa dạng dữ liệu sự kiện, gợi dẫn nhiều xúc tác cho ngòi bút. “Nhà văn sáng tạo nhân vật để thể hiện nhận thức của mình về một cá nhân nào đó, về một loại người nào đó, về một vấn đề nào đó của hiện thực. Nhân vật chính là người dẫn dắt người đọc vào một thế giới riêng của đời sống trong một thời kì lịch sử nhất định” (Phương Lưu, 1997, p. 126). Thông qua lối viết chân thực và mang tính thần phản kháng, Phùng Văn Khai đã tạo dựng thế giới nạn nhân da cam vừa là chứng nhân của lịch sử, vừa là biểu tượng cho bi kịch và khát vọng sống mãnh liệt của con người thời hậu chiến.

Đến thời điểm này, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã lùi xa nửa thế kỉ, nhưng hậu quả, di chứng mà nó để lại vẫn còn dai dẳng, hằn sâu vào thể xác và tinh thần của nhiều thế hệ người Việt Nam. Một trong những nỗi đau bi thương nhất của chiến tranh là thảm họa chất độc da cam/dioxin. Vì nó không chỉ gây ra tổn thất, mất mát cho những người trực tiếp tham chiến mà còn di truyền qua thế hệ sau. Ngày 10/8/1961, máy bay của Không lực Hoa Kỳ bắt đầu phun rải chất độc dọc theo quốc lộ 14, từ thị xã Kon Tum lên Đăk Tô (Kon Tum), mở màn cho cuộc chiến tranh hóa học. Theo báo cáo khoa học trên tạp san Nature, trong mười năm (1961-1971), Việt Nam đã phải hứng chịu “76,9 triệu lít chất độc do quân đội Mỹ và đồng minh rải xuống; trong đó chất da cam/dioxin khoảng 49,3 triệu lít, chiếm 64%; ước tính tổng lượng dioxin được sử dụng trong chiến tranh ít nhất là 366 kg” (Hoàng Bá Thịnh, 2010, p. 100). Dioxin còn được gọi là hóa chất màu da cam, dùng để diệt cỏ và làm rụng lá cây. Đi kèm với sự tàn phá thiên nhiên, cây cối, rừng nguyên sinh, những người lính và dân thường đã trở thành nạn nhân bị phơi nhiễm dioxin. Họ có cuộc sống rất vất vả, không thể lao động như người bình thường vì cơ thể khiếm khuyết, bệnh tật kéo dài, hệ miễn dịch kém, mang dị tật khi sinh như bại não, liệt, động kinh, hở hàm ếch, vẹo cột sống, ung thư thanh quản, cảm, điếc, mù... Nhưng thời gian đầu, nhận thức của người dân về tác hại của dioxin còn mơ hồ; cái nhìn về nạn nhân da cam có phần mang tính kì thị, xem họ như cá thể dị thường, biến dạng, ảnh hưởng cộng đồng. Các nạn nhân phải sống trong mặc cảm, bị xã hội xa lánh, nhiều khi cảm thấy xấu hổ, “e ngại tiếp xúc với người khác chỉ vì sinh ra đứa con bị khuyết tật” (Hoàng Bá Thịnh, 2010, p. 104). Bày tỏ sự đồng cảm sâu sắc và nhấn mạnh việc thức tỉnh lương tri, Phùng Văn Khai viết về nạn nhân da cam như một sự sẻ chia, thương yêu đồng loại, góp phần phát triển, khích lệ khuynh hướng văn học da cam tại Việt Nam. Trái tim nhà văn ngân rung nhịp đập thổn thức, tái hiện một thế giới đau thương của những người bước qua tàn tích chiến tranh với số phận bi đát. Phùng Văn Khai từng tâm sự rằng: “Khát vọng của một nhà văn là những trang sách hay về bộ đội và những trang sách hay về lịch sử dân tộc, về quê hương đất nước. Đó cũng là cái mà chúng tôi ao ước, là nguồn sống với cái đam mê” (Kênh Truyền hình Quốc phòng Việt Nam, 2024). Thế nên, với chủ đề hậu chiến, tiểu thuyết *Hồ đổ* đã chạm sâu vào mạch nguồn nhân bản, ước vọng hòa bình và tinh thần đấu tranh công lí bền bỉ cho các nạn nhân da cam của một nhà văn chiến sĩ. Trên tinh thần đó, bài báo tập trung làm rõ những số phận nạn nhân da cam trong tác phẩm, bao gồm: phụ nữ với sự ám ảnh và tuyệt vọng trên hành trình sinh nở, hôn nhân; những đứa trẻ vô tội vùng vẫy giữa đột biến gene và khát vọng làm người; người lính ở hai chiến tuyến hướng tới sự hòa giải dân tộc từ bi kịch nhân sinh.

## 2. PHƯƠNG PHÁP

Để đạt được mục tiêu của nghiên cứu “Thế giới nhân vật nạn nhân da cam trong tiểu thuyết *Hồ đổ* của Phùng Văn Khai”, tác giả và cộng sự đã sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp tiếp cận mang tính liên ngành, kết hợp giữa lí thuyết và thực tiễn. Cụ thể, các phương pháp được vận dụng bao gồm: phương pháp thống kê - phân loại, phương pháp cấu trúc - hệ thống, phương pháp thi pháp học, phương pháp liên ngành về y học, lịch sử và xã hội học.

Phương pháp thống kê - phân loại giúp tác giả và cộng sự xác lập hệ thống nhất quán, logic các kiểu nhân vật nạn nhân da cam; phân biệt theo đặc điểm xuất thân, giới tính, độ tuổi cũng như khả năng chịu đựng những nỗi đau hậu chiến.

Phương pháp cấu trúc - hệ thống được vận dụng nhằm soi chiếu các mối quan hệ giữa nạn nhân da cam với các nhân vật khác. Việc sắp xếp theo hệ thống là cơ sở để nhận diện thế giới nạn nhân da cam trong tiểu thuyết *Hồ đổ*, đồng thời mang đến cho bài báo khả năng khái quát bức tranh xã hội với những tầng lớp chịu hậu quả của chiến tranh hóa học.

Phương pháp thi pháp học giúp tác giả và cộng sự đi sâu vào cách thức xây dựng, kiến tạo hình tượng nạn nhân da cam trên bình diện nghệ thuật, như: ngôn ngữ, điểm nhìn, biểu tượng, kết cấu. Qua đó, bài báo làm sáng tỏ những đổi mới trong bút pháp tự sự của nhà văn Phùng Văn Khai.

Phương pháp liên ngành về y học, lịch sử, xã hội học được vận dụng nhằm mở rộng chiều kích phân tích, diễn giải vấn đề. Từ đó, bài báo đưa hình tượng nạn nhân da cam ra khỏi phạm vi miêu tả trong văn chương đơn thuần, để đặt trong mối tương quan với thực tế bệnh lý thời hậu chiến, những di chứng của lịch sử và hệ quả xã hội. Cách tiếp cận này giúp bài báo luận giải sâu sắc nỗi đau thể xác và tinh thần của nhân vật, đồng thời khẳng định giá trị nhân đạo trong tác phẩm cùng ý thức trách nhiệm của nhà văn đối với lịch sử dân tộc.

Tổng hòa và phối hợp linh hoạt các phương pháp trên, bài báo không chỉ đảm bảo tính toàn diện, khoa học trong việc khám phá thế giới nhân vật nạn nhân da cam mà còn làm nổi bật được chiều sâu hiện thực và nhân bản của tiểu thuyết *Hồ đổ*.

### 3. NỘI DUNG

#### 3.1. Phụ nữ: nỗi ám ảnh và tuyệt vọng trên hành trình sinh nở

Dioxin là chất độc da cam mang mầm mống hủy diệt tàn bạo trong âm thầm. Nó không khiến con người chết ngay khoảnh khắc đối đầu với súng đạn; mà gieo vào thân thể nữ giới bước ra khỏi chiến tranh sự tuyệt vọng trên hành trình làm tròn thiên chức. Trong thế giới nhân vật tiểu thuyết *Hồ đổ*, phụ nữ được khắc họa như bức tranh mang màu sắc u tối, chứa đựng tằm thâm kịch của phận người. Thủ pháp mờ hóa nhân vật được Phùng Văn Khai sử dụng triệt để, nên những nạn nhân da cam đều không có tên cụ thể, không quê quán, ngoại hình miêu tả sơ lược, nhằm tập trung làm nổi bật thống khổ nghẹn ngào, oan trái của chiến tranh. Đó là *Chị tóc dài*, *Người đàn bà ở làng*, *Mười tám phụ nữ ở nông trường*, *Người y tá*. Các mảnh ghép trên điển hình cho nạn nhân da cam nữ giới.

*Chị tóc dài* là một chiến sĩ đã cống hiến tuổi thanh xuân trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Ngày lên đường nhập ngũ, chị nhận được lời động viên, hứa hẹn về một tương lai tươi sáng. Nhưng hòa bình trở về, chị trở thành người đàn bà quá lứa lỡ thì. Đến tuổi cần được làm mẹ, chị chấp thuận có con và sống nương nhờ trong sự thương cảm của làng xóm. “Những bà lão lưng còng tóc bạc có con trai con gái duy nhất không trở về tìm đến với chị. Cả những ông lão thương binh sống một mình sau khi cống hiến những đứa con cuối cùng luôn chờ che chị. Cái làng cũng lạ, thời ấy mà đã như cái nôi che chở người đàn bà không chồng mà chừa” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 25). Dầu vậy, ước vọng mẫu tử đã không toại nguyện. “Một cục thịt đen thẫm, lầy nhầy, hình thù kì dị hiện dần, hiện dần dưới bàn tay mẹ. Không nghe thấy tiếng khóc. Những bà lão dón dác nhìn vào mắt nhau. Cả một đời dài đặc bấy giờ họ mới giáp mặt với giây phút này. Khối thịt đen thẫm ngọ nguậy trong tay mẹ đỡ. Không nghe thấy tiếng mẹ đỡ. Không có tiếng khóc cất lên trong đêm” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 26). Khối thịt dị dạng, phập phồng nằm bên chị là hệ quả của những năm tháng băng rừng, lội suối chiến đấu. Khi còn ở chiến trường, chị từng nghe nói phong thanh về “nó” - chất độc da cam - nhưng không ngờ “nó” lại giáng vào chị. “Mấy tháng gần đây, một số đồng đội đã thông tin cho chị về sự xuất hiện ác hiểm của nó. Ngày các chị sống ở những cánh rừng chết đến hàng tháng, đã có sự cảnh báo về nó. Cơ mà ở chiến trường, ngày ấy, mấy ai nghĩ đến một ngày nó xuất hiện ở trong mình. Có nhiều đứa cũng ở trong ấy vẫn sinh con đẻ cái bình thường. Nghĩa là khả năng bị có thể chỉ là những đồn đoán vô căn cứ, những sợ hãi mơ hồ. Trong suốt thời gian thiên thần nhỏ bé của chị hình thành và lớn lên, chưa một lần chị nghĩ đến nó. Bây giờ thì chắc chắn nó đã xuất hiện rồi, nó giáng cho chị một đòn ác hiểm không báo trước” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 27). Số phận éo le chọn chị làm nơi đánh dấu bị kịch, *Chị tóc dài* chẳng còn nước mắt để khóc. Chị mạnh mẽ, rắn rỏi đến mức tự chôn cất hài nhi. Bàn tay chị, thườ trước đã dựng bao lán trại cho đồng đội ở rừng, từng cầm súng bảo vệ quê hương. Giờ đây, bàn tay ấy lại đào một căn nhà nhỏ, nép bên dòng sông hiền hòa, che cho đứa con an nghỉ. Khép lại hành trình sinh nở nhọc nhằn và bất lực, chị rời bỏ ngôi làng thân thuộc như một cách thức thoát khỏi bóng ma quá khứ.

Câu chuyện về *Chị tóc dài* được Phùng Văn Khai dệt nên từ những mảnh đời thực tế. Văn học hậu chiến đã ghi lại những tình huống trớ trêu của những người con gái bước ra khỏi chiến trường. Khi tiếng súng ngừng vang, có những người may mắn trở về, không phải để tiếp tục sống cuộc đời an yên, mà nỗi dài hành trình khổ đau. Cô Thảo trong *Người sót lại của rừng cười* (Võ Thị Hào) đã không thể vun đắp mái ấm hạnh phúc với người yêu, khi tiếng vọng thể thiết của đồng đội ở rừng Cười vẫn giăng xéo, rên xiết, hằn lên những vết sẹo tinh thần khó nguôi ngoai. Chị Mây trong *Người ở bến sông Châu* (Sương Nguyệt Minh) “xưa kia chị đẹp nhất làng”, giờ chị thành thương binh, chồng nặng về quê đúng ngày cưới của người yêu. Người con gái ở Trường Sơn khói lửa cùng người con trai ở xứ Tây đây hoa tuyết trắng đã chẳng thể viết tiếp lời nguyện thề đoàn viên. Đêm đêm, nằm bên bến sông Châu, nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc bên trạm xá xã vọng sang, Mây lại “giật mình thon thót”, còn cào về ước vọng làm mẹ Chị Mây, cô Thảo, *Chị tóc dài* là những biểu tượng cho thấy chiến tranh đã lấy đi tuổi trẻ, máu thịt và để lại những khoảng trống hoang hoải cho người phụ nữ trong đời sống hậu chiến.

Căn tính đàn bà chỉ thực sự trỗi dậy và được xác lập khi dấn thân vào trải nghiệm sinh nở. Nhưng cuộc sinh nở của những nạn nhân nhiễm dioxin lại quá phủ phàng và oan nghiệt. *Người đàn bà ở làng* sau những

năm tháng mòn mỏi chờ người từ chiến tuyến, cuối cùng anh chồng cũng trở về. Nhưng, đó lại là khởi nguồn bi kịch, còn “hầm hiu hơn gái góa”. Chẳng ai biết được chồng chị - *Người đàn ông về làng* đã nhiễm dioxin. Tám lần sinh nở, *Người đàn bà ở làng* không một lần được ôm ấp đứa con, nổi đau chất chồng, khoan sâu vào da thịt. Đôi vợ chồng tưởng rằng, thiên thân của họ đang hình thành - kết quả cho những vun trồng, hi vọng tình yêu và hòa bình. Tuy nhiên, “cái ngày ấy cũng đến, nó không phải là một niềm vui vỡ òa mà là một nỗi kinh hoàng buốt nhói, vợ chồng người lính không tin ở mắt mình, họ như có tội với họ mạc, tổ tông, đứa bé không được làm người, sau những ngày vật vã, người vợ sinh ra một cục thịt không rõ hình hài” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 155). Họ đối diện nhau bằng sắc thái mơ hồ vì không hiểu đã làm gì nên tội. Cảm giác hổ thẹn, ngại ngùng, có lỗi với gia đình, tổ tiên dày vò họ như những tội đồ không làm tròn sứ mệnh duy trì nòi giống. Cũng giống như trường hợp người vợ trong *Mười ba bến nước* (Suong Nguyệt Minh); đã bao lần chị hoảng hồn, nắc nhen khi sinh ra những quái thai, đành ngậm ngùi bù đắp cho chồng - một người lính vô tình nhiễm chất độc da cam, vừa trở về từ chiến tranh - bằng cách cưới vợ mới. Nhưng hóa ra, đó lại là khởi đầu cho chuỗi bi kịch đằng đẵng dẫn đến bên bờ tổn thương, mất mát. Niềm khát khao được làm mẹ, có con nối dõi đã trở thành nỗi ám ảnh của đại gia đình.

Trong các cuộc phỏng vấn, điều tra, nhà xã hội học Hoàng Bá Thịnh đã ghi lại những lời kể nghẹn ngào của các bậc cha mẹ có con là nạn nhân da cam. “Xấu hổ, người ta sinh con thì mạnh khỏe, mình sinh con thì đau ốm. Bé con đi viện Nhi Thụy Điển cứ ngồi khóc. Lúc đấy khó khăn chỉ có hai mẹ con tự phục vụ cơm nước. Lúc đấy không có tiền, đi ở trọ, cứ bé con vác trên vai, cháu không bế nách được... Khổ tâm lắm. Lúc nào cũng nghĩ là khô. Vì người ta sinh con thì đẹp đẽ, mình thì vậy nên xấu hổ với bạn bè. Bạn gọi họp lớp có dám đi đâu. ngày Tết nhất tôi cũng chẳng dám đi gặp gỡ mọi người” (Hoàng Bá Thịnh, 2010, p. 105). “Mà con bị như vậy thì đi đâu? Cưới xin anh em thì bắt đắc dĩ mới phải đến, chỉ đến lúc ăn cỗ, lúc chơi bời không đến. Đến thì tủi thân lắm. Người ta kể chuyện nhà họ con cái thế nọ thế kia, còn mình thì chẳng có gì” (Hoàng Bá Thịnh, 2010, p. 105). Ẩn sau mỗi câu chuyện không chỉ là nỗi khổ vật chất, mà còn là một trạng thái tâm lý xã hội đặc thù của nạn nhân da cam: tự ti, tội lỗi và cách li bản thân khỏi cộng đồng. Dần dần, họ trở thành “nhóm yếu thế”, bên lề xã hội. Cuộc đời của *Người đàn bà ở làng* trong tiểu thuyết *Hồ đồ* là một vòng luẩn quẩn của bi kịch, khi sự sinh nở tưởng như là hành trình tìm kiếm một bản thể vẹn nguyên, hóa ra càng dần thân càng lạc lõng, bơ vơ giữa mê cung tàn tích chiến tranh. *Người đàn bà ở làng*, vì thế, trở thành hình tượng minh chứng rõ ràng nhất cho di sản độc hại của chiến tranh. Điều cần thiết không chỉ là sự bù đắp về vật chất, mà là một cái nhìn công bằng, nhân ái và thức nhận của xã hội đối với họ, để họ không còn phải thấy mình là “khác biệt” hay “xấu hổ” khi đã là những người chịu đựng và hi sinh. Như Nguyễn Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết từng nói rằng: “Nạn nhân chất độc da cam là những người nghèo nhất trong những người nghèo, đau khổ nhất trong những người đau khổ. Nổi đau của nạn nhân chất độc da cam Việt Nam là nỗi đau chung của nhân dân Việt Nam và cũng là nỗi đau chung của nhân loại tiến bộ trên thế giới” (Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam, 2024a).

Đi từ đồng cảm đến chia sẻ, kiểu nhân vật nữ thứ ba - *Người y tá* - dù chưa chắc chắn nhiễm độc dioxin, cũng không phải là người mẹ có con là nạn nhân da cam, nhưng lại là người chứng kiến hành trình chịu đựng của các nạn nhân với thái độ thương yêu, đồng hành, san chung nỗi đau. Trong suốt ba mươi năm làm tại bệnh viện, *Người y tá* đã âm thầm chôn cất những hài nhi nhiễm chất độc da cam, vỗ về linh hồn oan khuất. “Mình đã đào bao nhiêu cái hốc và sẽ đào bao nhiêu cái nữa, chị ngang tay xéng quét giọt mồ hôi già nua hay nước mắt nữa cũng không biết trên hốc mắt ngồi thờ đốc, bên cạnh chiếc lọ im lặng. Như một báu vật, giờ đây đối với chị nó là báu vật hay là tai ách?” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 104). Hình ảnh cô y tá già nua, lặng lẽ ôm lọ thủy tinh chứa đựng những sinh linh dị khuyết trở thành minh chứng cho kiểu nạn nhân chân thương khi nhìn thấy cảnh sinh nở kinh hoàng. Nền đèn tuổi tóc đã luống bạc, chị vẫn là “thiếu nữ còn trinh”, vì chẳng dám yêu đương và kết hôn. Chị hiểu, mình cũng là một nữ quân y, từng đi từ những cánh rừng bị rải chất độc. Liệu số phận có may mắn cho chị nếu mang thai? Lo âu và đau khổ, chị hóa điên trong trải nghiệm của đồng đội và được chẩn đoán là tâm thần do sang chấn tâm lý.

Không né tránh, Phùng Văn Khai đã rất táo bạo khi ghi lại cận cảnh các biểu hiện tâm-sinh lý trần trụi mà nạn nhân da cam nữ giới phải trải qua: từ những cơn đau, những lần sảy thai, đến cảm giác tê liệt thân xác trên bàn đê và sự bàng hoàng, sợ hãi, ớn lạnh của cộng đồng. Sự sinh nở đã chẳng thể đưa đến ánh sáng cứu rỗi và niềm tin về giống nòi tốt đẹp, trái lại, đẩy con người vào hoạt cảnh vật vã đấu tranh, giành lấy sự sống trong một thế giới tuyệt vọng. Ở đó, phụ nữ không chỉ mang thai một đứa bé, mà còn mang chứa nỗi đau lịch sử của dân tộc, những di chứng da cam và định kiến xã hội. Trong thế giới còn “hồ đồ”, chua xót nhất chính là giấc mơ được làm mẹ - một giấc mơ tưởng chừng thiêng liêng nhưng lại bị vây bủa bởi bóng tối của ám ảnh bất lực. Do đó, tiểu thuyết *Hồ đồ* là tiếng nói phản tỉnh về thiên chức nữ giới, về nỗi đau mà họ phải gánh chịu thời hậu chiến.

### 3.2. Những đứa trẻ: thể hệ vô tội vùng vẫy giữa đột biến gene và khát vọng làm người

Ngoài những hậu quả về kinh tế, môi trường, giáo dục, an ninh quốc phòng, chiến tranh còn hủy diệt giống loài. Cuốn sách *Những nhân chứng cuối cùng - Solo cho giọng trẻ em* của Svetlana Alexievich đã tiến hành đối thoại với những đứa trẻ sống sót ở Belarus sau khi bị phát xít Đức tấn công ngày 22/6/1941. Qua đó, Alexievich phát hiện chiến tranh không chỉ lấy đi lớp thanh niên trai tráng, mà còn cướp mất rất nhiều trẻ em. “Trong làng hoàn toàn không còn trẻ con. Không còn ai ngoài đường để cùng chơi” (Alexievich, 2018, p. 145). Trẻ em bị lợi dụng để làm công cụ chiến tranh, phải cầm súng trước khi cầm sách vở đến trường, chúng bị đánh đập, bạo hành và chết trong đạn pháo hay dịch bệnh. Tuy nhiên, trong khoảng 100 câu chuyện Alexievich kể lại, không có ai nhiễm chất độc da cam thâm, kinh hoàng như những đứa trẻ ở Việt Nam đã trải qua trong chiến tranh. Hội chữ thập đỏ Việt Nam ước tính: “có tới 3 triệu người gồm cả trẻ em và người lớn (đây là con số ước tính tương đối hiện có), đã bị ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe, chịu các dị tật bẩm sinh và dị tật phát triển” (Nhóm đối thoại Việt – Mỹ về chất độc da cam/dioxin, 2010). Phùng Văn Khai, với khả năng cảm nhận sâu sắc về nỗi đau, đã đóng góp cho dòng văn học da cam một cái nhìn toàn diện và nhân văn khi hướng trọng tâm vào những đứa trẻ dioxin. Nhà văn đi từ những số phận chung cho đến những mảnh đời riêng, từ bao quát đến cụ thể, từ nỗi đau của dân tộc đến bi kịch của từng gia đình, để thấy hậu quả hủy hoại “mầm non đất nước” của chiến tranh hóa học.

Không gian lớn có thể ghi lại thể hệ nạn nhân da cam F2, F3 là trại giáo dưỡng, trung tâm bảo trợ trẻ em khuyết tật. Phùng Văn Khai tô đậm chất độc da cam đã “triệt đường sống” trẻ em Việt Nam như thế nào: “Những khuôn mặt nửa hân hoan nửa buồn rười rượi. Những cánh tay teo tóp, quăn queo không cử động. Có khuôn mặt có ba mắt, có khuôn mặt có nhiều tai nhưng không khuôn mặt nào có râu dù tóc họ đen, có lọn tóc quăn lòa xòa trên những vàng trán hóp lại hoặc lồi ra” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 21). Dioxin không phân biệt già trẻ, nam nữ, tầng lớp cao thấp, những ai vô tình bị nhiễm đều có thể để lại hậu quả cho chính mình và thế hệ sau.

Theo mục Hỏi đáp của Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin, “một số nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam cũng đã cho thấy tác động của dioxin gây nên một số biến đổi bất thường đối với hệ thống di truyền là những đột biến nhiễm sắc thể và đột biến gene” (Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam, 2024b). Không một đứa trẻ nào trong tiểu thuyết *Hồ đò* được sinh ra với cơ thể lành lặn, “thường họ thiếu hoặc thừa cái gì đó trên cơ thể, những cơ thể rất bản, từ đó luôn đẩy ra toàn thứ mùi rất khó chịu” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 22). Do đó, trái với những hình ảnh thiếu nhi vui tươi, múa hát, hạnh phúc đến trường, âm áp bên tình thân gia đình, thầy cô trong những khúc khải hoàn ca ngợi “trẻ em hôm nay - thế giới ngày mai”, những đứa trẻ da cam bị nhốt lại trong những chiếc chuồng gỗ như những chiếc cũi không lồ. Các em bị giam cầm như những loài động vật trong sở thú. Và trong những chuồng gỗ ấy, “những tiếng cười quái dị, cả tiếng khóc, cả tiếng hát ngọng nghịu thoát ra từ những chiếc chuồng gỗ phảng lên trời đêm đen thẫm, u uẩn” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 22), “tiếng khóc, tiếng u u, cả tiếng hát ngọng nghịu cứ vọng ra. Những đêm nhiều sao, đám người ca hát đến gần sáng. Khi mệt lử, nhót dãi nhỏ ra ướt đầm họ mới thiếp đi, tiếng hát chìm dần rồi im bật” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 23). Không thể nói tròn vành câu chữ, không thể yêu thương đong đầy hình hài, đời sống bất toàn của những đứa trẻ da cam đã phản ánh bi kịch tột cùng mà chiến tranh hóa học để lại.

Có những sinh linh đã thụ thai, trải qua 9 tháng 10 ngày âm êm trong tử cung, nhưng sinh ra là cục máu đỏ hỏn, méo mó. Sự sống tắt ngấm khi tiếng khóc chào đời chưa kịp cất. Nơi đón nhận chúng ngu ngơ và vui đùa thoải mái không phải cõi dương gian “hồ đò” này, mà là “dòng sông và bậc đá nghìn năm tuổi”, là cánh rừng thông âm u gập gù cội nguồn, là những đồi núi trập trùng mà êm ả. Do đó, chúng hiểu rằng, “cái khoảng thời gian hạnh phúc nhất, được rong chơi và nghịch ngợm nhiều nhất chính là khoảng thời gian chín tháng ở trong bụng mẹ” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 170). Để rồi sau đó, chúng “lần đầu tiên biết thế nào là ánh sáng đích thực, và cũng là lần đầu tiên chúng biết thế nào là bóng tối vĩnh cửu” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 170). Không chấp nhận vùi vào đêm đen và bị đoạn tuyệt sự sống, chúng trở thành những oan hồn lang thang, vất vưởng, oán thán về nỗi bất công.

Tại đây, viết về nạn nhân da cam, Phùng Văn Khai tận dụng triệt để phương thức huyền ảo, kết hợp cùng các câu chuyện ma quái, hoang liêu. Dường như, đó chính là cách xoa dịu nỗi đau da cam, vì khó ai tin được đâu đó trên Trái đất tương bình yên này, vẫn còn những số phận người đột biến gene, người không nên người, ma cũng không phải, chúng tồn tại vật vờ, ngắc ngứ trong những chuồng gỗ, hoặc được ngâm trong các phòng thí nghiệm. Thằng bé Tôn Ngô Không ba mắt - từng “được sống”, từng gắng gượng nuốt cháo, nhai cơm để hít thở bầu không khí hiện sinh - vẫn không thể cầm cự cho nhịp tim tiếp tục đập, cho tiếng cười ngô nghê vang lên mỗi sáng. Người ta phát hiện cậu đã yên nghỉ khi đánh thức cậu dậy chào đón ngày mới. Bước vào “cõi bên kia”, thằng bé cùng đồng loại - những quái thai nhiễm dioxin ngâm trong phòng thí nghiệm - tập hợp lại, chui vào những chiếc ang sành, “trêu ngươi” con người. “Có thằng nghịch ngợm nhảy

ra khỏi chiếc ang đất lập tức bị một bàn tay máu me lạnh ngắt bóp nghẹt quẳng trở lại và đẩy ào vào dòng sông với bạt ngàn đồng loại... Bọn trẻ bay phiêu diêu từ những chai lọ bỗng nảy ra một sáng kiến muốn cứu thoát đồng loại, xúi giục chúng nổi loạn. Nhanh như chớp, các tiểu anh hùng bay sà xuống, đập vỡ các ang, hà hơi chuyển kiếp cho bè bạn. Cả một khúc sông nào động, khói sương mờ mịt” (Phùng Văn Khai, 2023, pp. 71-72). Hành động nổi loạn trên sông của lũ trẻ cho thấy khát vọng sống, mong muốn làm người chưa bao giờ nguôi tắt. Vì được sinh ra, được yêu thương trong một thế giới không có chiến tranh là quyền chính đáng của con người!

Tận tay chăm sóc những đứa trẻ đột biến gene do nhiễm dioxin, *Chị tóc dài* đã xa xót nén tiếng thở dài tự hỏi trong vô vọng: “Bao giờ thì câu chuyện về những sinh linh trong các chuồng gỗ kết thúc? Có lẽ chẳng bao giờ kết thúc cả vì thỉnh thoảng họ vẫn gom ở đâu về những sinh linh mới. Chúng ngô nghê cười, khóc, hú hét, ỉa đái dầm dề ngay sau khi những chiếc xe đen bóng sang trọng chở đầy hoa tươi và tiếng vỗ tay chạy hút về thành phố” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 45). Tận dụng tối đa ưu thế của câu hỏi tu từ trong văn bản, tăng phức điệu đa thanh cho giọng kể, nhà văn Phùng Văn Khai ngầm ngụ ý câu trả lời đã có sẵn ngay tại quá trình tra vấn. Nỗi đau da cam “chẳng bao giờ kết thúc”. Trẻ nhỏ liên tục được đưa về trung tâm là chứng cứ đanh thép tố cáo di chứng nặng nề của chiến tranh, nhắc nhở hậu quả của chất độc dioxin không khép lại cùng tiếng súng. Sự bất lực của *Chị tóc dài* còn là tâm trạng chung nhiều nhân chứng: đâu có lòng thương xót và tận tâm chăm sóc, họ vẫn ngột ngạt trước một vòng lặp bi kịch không có điểm dừng.

Đề cập đến sự thống khổ của nạn nhân chất độc da cam/dioxin, Kenneth J. Herrmann, giám đốc Chương trình SUNY Brockport Việt Nam, gọi sự chậm trễ giải quyết vấn đề nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam là “một sự tàn bạo vẫn tiếp tục gây ra nỗi đau không tả xiết” (Kenneth, 2005). Một người mẹ đã nói trong lần phỏng vấn rằng: “Chúng tôi tiếp tục khóc bằng nước mắt màu da cam kể từ ngày chiến tranh” (Hoàng Bá Thịnh, 2010, p. 106). Qua đó, số phận trẻ em nhiễm chất độc da cam hiện lên như một vết thương xã hội chưa lành: chúng là nạn nhân của quá khứ chiến tranh, đồng thời là gánh nặng nhân đạo mà hiện tại phải đối diện. Đằng sau những hoạt động thiện nguyện hay biểu tượng tri ân là cuộc sống âm thầm, dai dẳng và đau đớn của những sinh mệnh vô tội. Nếu may mắn, chúng được các tổ chức chính phủ và phi chính phủ có trách nhiệm giúp đỡ, nuôi nấng (nhưng lớn lên vẫn không thoát khỏi một thân thể ốm yếu, bệnh tật, dễ chết yếu). Nếu không may, chúng trở thành mẫu thí nghiệm, ngâm cùng hóa chất đựng trong các chai lọ như một vật phẩm trưng bày. Sự tồn tại ngăn ngui của trẻ em da cam như một cách thức kể tóm lược mà sâu sắc về nỗi đau và hậu quả lâu dài do chiến tranh để lại. Câu hỏi còn cào, đồng vọng nhiều âm vực - “Tại sao lại lấy nỗi đau này lấp vào nỗi đau kia?” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 73) vang lên như tiếng kêu gào từ cõi âm của những sinh linh da cam, như lời chất vấn về lương tri nhân loại!

Trong một dung lượng không quá dài, tiểu thuyết còn là những mảnh ghép của nhiều gương mặt trẻ thơ nhiễm dioxin khác: đứa con của *Cựu binh A.R.M*, mười tám đứa trẻ của mười tám nữ chiến sĩ trú ngụ ở nông trường, con trai của *Trung úy E.Z*, *Người bé nhỏ*... Kỹ thuật viết phân mảnh, lồng ghép truyện trong truyện là cách nhà văn Phùng Văn Khai điểm xuyết những điểm chung của những đứa trẻ da cam ở Việt Nam và ở Mỹ. Chính nhờ vậy, tiểu thuyết *Hồ đồ* như bức tranh toàn cảnh, đa diện về trẻ em nhiễm chất độc da cam - những con người hoàn toàn trong sáng và vô tội.

### 3.3. *Người lính ở hai chiến tuyến: từ bi kịch hướng tới sự hòa giải dân tộc*

Một trong những điểm ấn tượng, nổi bật của tiểu thuyết *Hồ đồ* chính là nhìn chiến tranh đa chiều, phía “bên này” và “bên kia”. Không phán xét, truy vấn kẻ thù đến đường cùng, Phùng Văn Khai chọn chân thương của người lính để hướng tới sự hòa giải dân tộc. Vì thế, hình ảnh người lính ở hai chiến tuyến được gói vào nhau trong câu chuyện chung: ứng xử và giải quyết số phận nạn nhân da cam. Qua mỗi nhân vật, Phùng Văn Khai tái hiện những cách thức tàn phá khác nhau của người lính nhiễm dioxin. Có người bị phá hủy âm thầm trong từng tế bào, bề ngoài không nhận ra, nhưng từng mạch máu chỉ số khác thường. Có người vừa mắc hội chứng rối loạn căng thẳng sau sang chấn (PTSD), vừa di căn lên não tạo nên những cơn đau bất tận.

Nhân vật *Người lính về làng* điển hình cho cựu binh thời hậu chiến. Anh đã từng hạnh phúc khi thấy mình vẫn “lành lặn, vẹn nguyên và mạnh mẽ” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 154). Nhưng sau tám lần chứng kiến người vợ sinh “quái thai”, anh biết nguyên nhân đến từ chính mình. Dioxin đã lặng lẽ ngấm vào anh từ lúc nào. Đau đớn và dằn vặt, trong hơn mười năm, *Người lính về làng* đi khắp các cửa đền cửa phủ, chạy ngược chạy xuôi nhưng kết quả nhận lấy đều “hãi hùng”, “hoang mang”. “Người lính đã già xòm đi như một tội nhân đêm đêm ngồi ở bờ sông, hướng mặt ra dòng sông đang làm lì kéo theo một vệt đen thẫm về nơi vô định” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 156). Nhà văn đã gọi tên nỗi đau da cam của người lính bằng trạng thái bất lực và vô vọng. Đó là nỗi đau không thể nói nên lời, không thể viết thấu cạn cảm xúc. Phải chăng, vì vậy tiểu thuyết không hề có đoạn đối thoại giữa các nhân vật. Phùng Văn Khai triệt tiêu đối thoại giữa người và người như một cách thức khẳng định nỗi đau không lời của nạn nhân da cam. “Anh hét lên, nhưng sao quái

lạ, không một âm thanh nào thoát ra khỏi vòm họng rát buốt của anh,... anh đã ở một thế giới mà thanh âm là vô nghĩa... Một suy nghĩ dội lên, ta đã mắc tội gì ư, tổ tiên ta đã làm điều gì thất đức để đến giây phút này ta phải gánh nỗi đau tuyệt chủng, một nỗi đau như một thứ tội lỗi lớn nhất của người đàn ông ở xứ sở này,... làm nhục ta trong hoàn cảnh đau đớn tột cùng như thế” (Phùng Văn Khai, 2023, pp. 156-157). Tính trầm trọng được đẩy đến mức “tuyệt chủng” kèm mặc cảm “tội lỗi”, phơi bày sự sụp đổ của vai trò nam quyền. Đây không còn đơn thuần là nỗi đau cá nhân, mà là bản cáo trạng về bạo lực sinh học trong chiến tranh.

Từ bỏ các lượt lời đáp hỏi, nhà văn tập trung khai thác những diễn biến tâm lý đấu tranh khốn cùng, mỗi một khi “người lính ngày càng u uất và im lặng”. “Anh đã hoàn toàn bỏ mặc trạng thái của cơ thể muốn trôi dạt đi đâu mặc kệ, anh muốn dứt đi cái suy nghĩ dày vò ở trong trí não nhưng không sao dứt được, nó bám dai dẳng” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 157). Người lính phải đấu tranh với hậu quả da cam trong một tâm thế “vô ngôn”, côi cút chịu đựng và đưa ra cho mình lựa chọn hiện sinh. Anh vừa muốn kéo dài sự sống với thân thể bệnh tật này cùng người vợ thủy chung, vừa muốn kết liễu cuộc đời để chấm dứt nỗi đau. Tự thấy, đứng trước chấn thương, anh “hèn nhát và sớm quy hàng” hơn phụ nữ, anh trầm cảm, bậm dập trí óc bằng ý nghĩ điên cuồng. Chỉ khi nhận thức được rằng, “khát vọng của người lính sống sót sau chiến tranh, một ước mơ chung chính đáng đã trở thành nguyên nhân dẫn đến những bi kịch nối tiếp” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 158), *Người lính về làng* buông bỏ, anh đắm chìm vào dòng sông, nhờ thiên nhiên xoa dịu cõi lòng và bù đắp một bên bờ hạnh phúc cho sinh mệnh ở kiếp sau.

Cuộc đời của *Người lính về làng* là mẫu số chung cho nhiều cựu binh. Đầu đó, câu chuyện của nhà văn Dương Hương, Thu Bồn, Minh Chuyên đều có điểm tương tự. Nhân vật Nghĩa trong tiểu thuyết *Bến không chồng* của Dương Hương, sau khi lấy vợ lần thứ hai vẫn không thể có con, anh mới hiểu rằng, nguyên nhân chính là do chất độc da cam trong cơ thể anh. Trong cuốn hồi kí đời mình, Thu Bồn từng kể lại: “Nhiều năm, hai cha con tôi ở trong một căn phòng nhỏ... Cháu bị nhiễm chất độc da cam nên phải đi bệnh viện. Một đêm tháng mười hai lạnh như dao cắt, cháu đã trút hơi thở cuối cùng tại giường bệnh 108... Tôi vuốt mắt con, ôm cái thân xác lạnh ngắt đau đớn đi từng bước một xuống cầu thang nhà xác” (dẫn theo Nguyễn Thanh Tú, 2021). Nhà văn Thu Bồn từng cùng vợ đưa con ra Bắc chữa trị, men theo đường mòn Trường Sơn, đi bộ ròng rã hơn hai tháng, nhưng vẫn không thể thấp lên niềm hi vọng. Còn với Minh Chuyên, bản thân ông là một thương binh, chất độc da cam ảnh hưởng đến sức khỏe nhưng không ngăn được ngòi bút ngòi nghĩ. Với những tác phẩm *Di họa chiến tranh, Những linh hồn da cam, Mười lần sinh tử, Vết thương không mảnh đạn...* Minh Chuyên đã họa nên chân dung của các liệt sĩ, thương binh, cựu thanh niên xung phong, những người vợ hậu phương, trẻ em da cam. Số phận của *Người lính về làng* trong tiểu thuyết *Hồ đổ* và những câu chuyện của nhà văn Dương Hương, Thu Bồn, Minh Chuyên đã gặp nhau trong nguồn cội đắng cay: chiến thắng không thể bù đắp được nỗi mất mát của chiến tranh, vì sự mất mát ấy không chỉ cắt vào trái tim một lần, mà lặp lại như vết dao cùn, cứa họ vừa đau vừa kiệt sức.

Nỗi đau da cam là vô biên, nên không gian tái hiện cũng mênh mông, vô tận. Đi từ nỗi đau của người lính Việt, tiểu thuyết *Hồ đổ* còn mở ra bối cảnh rộng lớn với số phận người lính phía bên kia địa cầu. Các nhân vật *Cựu binh A.R.M, Ngài cựu đô đốc, Trung úy E.Z., Người gác rừng* đều trở về Mỹ với những hoài ức kinh hoàng, ăn năn, sám hối. “Cuộc chiến tranh mà sau này, đối với ông, gia tộc ông, gia đình ông, đã phải trả một cái giá quá đắt” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 182). Mang tâm thế của người “khai hoang”, “chinh phục”, họ đã đến Việt Nam với tham vọng chiến thắng bằng mọi giá. Đối mặt với lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam kiên cường, bất khuất, cùng địa thế dải đất hình chữ S nhiều hiểm trở, quân đội Mỹ đã nhận được sự chỉ đạo “thực hiện chiến dịch Ranch Hand (Khai quang) xuống những khu rừng rậm của xứ nhiệt đới... Lí lẽ của nó thật đơn giản. Càng nhiều những gallon chất hóa học được rải xuống, thì thương vong phía các ông càng giảm thiểu và có thể, cuộc chiến sẽ kết thúc theo kịch bản viết sẵn của phía các ông” (Phùng Văn Khai, 2023, p. 182). *Ngài cựu đô đốc* đã có một quyết định trọng đại, ảnh hưởng đến sinh mệnh của đất nước và giống loài dân tộc. Kế hoạch rải chất độc da cam nhanh chóng thực hiện. Nhưng ông không ngờ, sau dưới những làn mưa hóa chất, người con trai của ông - *Trung úy E.Z.* đã cùng đồng đội nhảy dù xuống, đánh giữ những cao điểm. Hơn ba mươi năm sau chiến tranh, *Trung úy E.Z.* vẫn còn vật lộn với chứng đau đầu, thoái hóa tế bào thần kinh não bộ mà y học tân tiến ở Mỹ không thể nào cứu chữa.

Báo cáo y học với tiêu đề “*Bệnh Parkinson ở những người có tiền sử phơi nhiễm chất độc da cam có khác với bệnh Parkinson vô căn không?*” (*Is Parkinson's Disease with History of Agent Orange Exposure Different from Idiopathic Parkinson's Disease?*), YoungSoon Yang và cộng sự đã phát hiện rằng: “Từ năm 1962 đến 1971, quân đội Hoa Kỳ đã sử dụng một lượng lớn chất độc da cam trong Chiến tranh Việt Nam nhằm loại bỏ lớp che phủ rừng của miền Bắc Việt Nam. Những bằng chứng độc học mới xuất hiện về thuốc diệt cỏ phenoxy và TCDD từ các nghiên cứu trên động vật, một số kết quả tích cực từ nghiên cứu dịch tễ học, cùng với nhiều vấn đề sức khỏe ở các cựu binh Mỹ trở về đã dẫn tới tranh cãi kéo dài về độc tính của tác nhân này. Tồn tại sự khác biệt trong quan điểm về tác hại thần kinh của TCDD. Một số tác giả tỏ ra hoài

nghi việc TCDD có thể gây tổn thương thần kinh, tuy nhiên, một số tác giả khác đã báo cáo một vài bất thường ở hệ thần kinh ở người phơi nhiễm TCDD. Thêm vào đó, liên quan giữa Chất độc da cam và các bệnh thoái hóa thần kinh như Parkinson (PD) vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu” (Yang et al., 2016). Như vậy, kết quả thí nghiệm trong báo cáo này gợi dẫn, nạn nhân da cam không chỉ là những người khiếm khuyết trên thân thể, mà sâu bên trong, não bộ cũng có vấn đề, các tế bào thần kinh bất ổn, không sản xuất và thiếu hụt dopamine, dẫn đến các vấn đề vận động, run rẩy, cứng cơ, mất thăng bằng, rối loạn giấc ngủ và trầm cảm.

Hòa vào nỗi đau của nạn nhân da cam Việt Nam, những người lính Mỹ cũng cùng chung bi kịch. Họ vừa phải chịu hội chứng “chiến tranh Việt Nam”, vừa phải chịu sự tàn phá của chất độc da cam. Thế nên, từ góc nhìn phân tâm học, những giấc mơ ám ảnh hằng đêm của *Cựu binh A.R.M*; những giây phút triền miên nhốt mình vào căn phòng ngập chìm bóng tối của *Trung úy E.Z*; những độc thoại dẫn vật, tự hủy, tự hành hạ tâm tư của *Ngài cựu đô đốc* không chỉ là kết quả của quá trình chấn thương tâm lý, mà còn là những triệu chứng của người nhiễm dioxin. Bằng chứng để lại là đứa con của *Cựu binh A.R.M* sinh ra tật nguyền, nằm bất động trong cũi gỗ suốt tám năm cho đến lúc chết; con của *Trung úy E.Z*, cháu *Ngài cựu đô đốc* có một khối u trong não, làm teo cơ và chậm phát triển. Và vô số đứa trẻ da cam tóc vàng được sinh ra, bỏ mặc tại bệnh viện, chôn vùi dưới gốc thông, được *Người gác rừng* canh giữ, vỗ về. Họ đã di truyền sự độc hại này sang thế hệ tiếp theo.

Báo cáo “Hậu quả tổn thương tâm lý ở các cựu chiến binh bị nhiễm chất độc da cam” của Lê Văn Hào và Monica Martinez (2012, p. 34) tiến hành lâm sàng trên đối tượng cựu chiến binh đã đưa ra kết luận: “Đại đa số các cựu chiến binh bị nhiễm chất độc da cam được phỏng vấn đều đã phải chịu những tổn thương tâm lý trong những năm tháng đầu sau chiến tranh. Họ có nhiều triệu chứng giống như các triệu chứng rối loạn stress hậu sang chấn. (...) Một số người khác vẫn phải tiếp tục chịu hậu quả của các tổn thương tâm lý trong nhiều năm sau khi rời quân ngũ. Có lẽ đó là do kết quả tác động của những trải nghiệm trong chiến tranh cộng với các sự kiện gây căng thẳng sau chiến tranh”. Sự hội ngộ của cựu binh Việt Nam và Mỹ đã mang đến một sự nhận thức sâu sắc: cần gạt bỏ những hận thù, liên kết cùng nhau hòa giải mâu thuẫn, chung tay xoa dịu nỗi đau da cam. Vì thế, việc *Cựu binh A.R.M* quay lại chiến trường xưa, kết nối với những người lính Việt Nam, đến trung tâm bảo trợ nạn nhân chất độc da cam giúp đỡ và hỗ trợ *Người nhỏ bé* thu thập chữ kí, kêu gọi công lí cho nạn nhân da cam trên đất Việt và đất Mỹ trở thành những hành động thiết thực để xây dựng, hàn gắn mối quan hệ của hai quốc gia.

Nói đến chiến tranh, Phùng Văn Khai không trực tiếp kể lại những trận đánh hay những sự kiện khốc liệt, nhà văn tìm đến cái bóng của nó, tức là những dư âm của cuộc xung đột đẫm máu vẫn còn tồn tại trong kí ức những người đã trải qua, những người sống sót sau cuộc chiến nhưng lại không thể thoát ra khỏi nỗi ám ảnh chết chóc, đau đớn do chất độc dioxin. Thế giới nhân vật trong *Hồ đồ* đa dạng tầng lớp, quốc gia, màu da, giới tính, độ tuổi. Họ tìm đến nhau trong nỗi đau da cam như một sự khẳng định cho tinh thần hòa hợp dân tộc. Điều này hoàn toàn đúng đắn với đường lối của Việt Nam. Từ Đại hội Đảng lần thứ VII (năm 1991), Đảng và nhà nước đã có những thay đổi mạnh mẽ về chủ trương đối ngoại: “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, p. 147). Đây được xem là nhiệm vụ chiến lược quan trọng, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững của xã hội xét từ nhiệm vụ xây dựng văn hóa. Văn chương mang sứ mệnh cao cả nhằm diễn giải và khẳng định tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc sau chiến tranh. Đặc biệt, giữa bối cảnh hiện nay, khi toàn nhân loại đang đối mặt với những vấn nạn về môi trường, sinh thái, chủng tộc, việc kết nối hai quốc gia ở hai địa cầu Trái đất, tạo nên mạng lưới cộng đồng rộng lớn sẽ dung hòa các hệ tư tưởng và quan điểm khác nhau về chính trị, văn hóa, lối sống. Trong đó, văn học trở thành “chìa khóa” để giải mã những ẩn khuất của chiến tranh, mang đến sự thấu cảm sâu sắc, góp phần “viết tiếp câu chuyện hòa bình”.

#### 4. KẾT LUẬN

Thông qua diễn giải, phân loại nhân vật dựa vào giới, độ tuổi và vị trí nghề nghiệp, bài báo đã chỉ ra các kiểu nhân vật nạn nhân da cam điển hình trong tiểu thuyết *Hồ đồ*, cũng là những lớp người tiêu biểu trong xã hội thời hậu chiến. Trên hành trình khắc ghi và phản ánh sự thật về chiến tranh, văn học Việt Nam đương đại xuất hiện những tác phẩm mạnh dạn khai thác vấn nạn chất độc da cam. Đáng chú ý, *Hồ đồ* của Phùng Văn Khai là tiếng nói nhân văn khi tác giả xây dựng thế hệ người khiếm khuyết, dị dạng, bệnh tật, nhưng giàu chiều sâu tâm hồn; đóng góp thiết thực vào việc trình hiện nỗi đau, bi kịch mà chất độc da cam gây ra cho môi trường tự nhiên, xã hội và số phận dân tộc Việt Nam cũng như nước Mỹ. Đánh giá về thủ pháp hiện thực huyền ảo Phùng Văn Khai sử dụng, từng trang văn đã đi sâu khơi lầy những tổn thương tinh thần, lớp lớp ác mộng vô tận giữa hiện thực bất an, từng sinh linh vất vưởng, thiếu công bằng và khao khát hòa nhập làm người. Từ đó, nhà văn cảnh tỉnh sự tàn phá mà loài người tự gây ra cho chính mình trong quá trình tiến tới

vấn minh; đồng thời đề xuất việc giải quyết vấn đề tàn dư hóa chất dioxin, đảm bảo công lí cho nạn nhân da cam không đơn thuần là nhiệm vụ thuộc phạm vi quốc gia Việt Nam, mà còn là trách nhiệm toàn cầu.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trong đề tài mã số T.25.NV.602.01.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abrams, M. H., & Harpham, G. G. (2009). *A glossary of literary terms* (9th ed.). Wadsworth Cengage Learning.
- Alexievich, S. (2018). *Những nhân chứng cuối cùng: Solo cho giọng trẻ em* (Phan Xuân Lan, Dịch). Nhà xuất bản Phụ nữ.
- Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2012, August 30). *Một số số liệu về nạn nhân chất độc da cam/dioxin*. <https://mod.gov.vn/vn/noi-dung/sa-ttk/sa-ttdv-tochuchoi/sa-ttk-ctch-hnncddc/sa-ttk-ctch-hnncddc-tl/6966f6b8-3398-439d-a4df-fa2f3143e153>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nhà xuất bản Sự Thật.
- Hoàng, B. T. (2010). Nạn nhân chất da cam/dioxin ở Việt Nam và nỗi lo về thế hệ tương lai. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế* (pp. 100–116). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam. (2024a, June 1). *Thông điệp về thảm họa da cam ở Việt Nam*. <https://www.vava.org.vn/thong-diep-ve-tham-hoa-da-cam-o-viet-nam>
- Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam. (2024b, June 1). *120 câu hỏi và đáp về chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam*. <https://www.vava.org.vn/120-cau-hoi-dap-ve-chat-doc-da-camdioxin-do-my-su-dung-trong-chien-tranh-o-viet-nam>
- Kenneth, J. (2005, March 28). *Một người Mỹ ở Việt Nam hôm nay*. *Nhân Dân*. <https://nhandan.vn/mot-nguoi-my-o-viet-nam-hom-nay-post519015.html>
- Kênh Truyền hình Quốc phòng Việt Nam. (2024, June 16). *Chương trình Hậu phương chiến sĩ: Phùng Văn Khai – Chuyện chưa kể*. <http://qpv.vn/tin-video/phung-van-khai-chuyen-chua-ke.html>
- Lê, V. H., & Martinez, M. (2012). Hậu quả tổn thương tâm lí ở các cựu chiến binh bị nhiễm chất độc da cam. *Tạp chí Tâm lý học*, (5)(158), 26–35.
- Nguyễn, T. H. (2006). *Từ điển tu từ – phong cách – thi pháp học*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Nguyễn, T. T. (2021, August 6). *Vấn chương, nghệ thuật góp phần chia sẻ, xoa dịu nỗi đau da cam*. <https://www.qdnd.vn/van-hoa/van-hoc-nghe-thuat/van-chuong-nghe-thuat-gop-phan-chia-se-xoa-diu-noi-dau-da-cam-667604>
- Nhật Anh. (2022, August 10). *Hành trình xoa dịu nỗi đau chất độc da cam*. *Nhân Dân*. <https://nhandan.vn/hanh-trinh-xoa-diu-noi-dau-chat-doc-da-cam-post709660.html>
- Nhóm đối thoại Việt – Mỹ về chất độc da cam/dioxin. (2010). *Bản tuyên bố và chương trình hành động*. Hà Nội & Washington.
- Phùng, V. K. (2023). *Hồ đồ* (Tái bản lần thứ nhất). Nhà xuất bản Văn học.
- Phuong, L., Trần, Đ. S., Nguyễn, X. N., Lê, N. T., La, K. H., Thành, T. T. B. (1997). *Lý luận văn học*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Phuong, L. (2002). *Lý luận văn học (Văn học – nhà văn – bạn đọc)*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Yang, Y. S., Cheon, M., & Kwak, Y. T. (2016). Is Parkinson's disease with history of Agent Orange exposure different from idiopathic Parkinson's disease? *Dementia and Neurocognitive Disorders*, 15(3), 75–81. <https://doi.org/10.12779/dnd.2016.15.3.75>

## The world of agent orange victims in Phung Van Khai's novel *Ho do*

Nguyen Thuy Trang, Nguyen Thi Thu Hang, Tran Dinh Nhan

University of Education, Hue University

---

### ARTICLE INFO

#### Article history:

Received 18 August 2025

Received in revised form 13 October 2025

Accepted 14 October 2025

Published 20 October 2025

---

#### Keywords:

Agent Orange victims

Characters

*Ho do*

Phung Van Khai

The War in Vietnam

---

#### Corresponding author:

Nguyen Thuy Trang

E-mail address:

nguyenthuytrang@hueuni.edu.vn

---

### ABSTRACT

In his exploration of war and its aftermath, Phùng Văn Khai uses the experiences of Agent Orange victims to prompt dialogue and reflection on human suffering. This article applies a poetics-based approach, integrating interdisciplinary perspectives from medicine, history, and sociology to analyze the novel *Ho do*. It examines the physical and spiritual lives of these characters, as well as the humanistic values expressed in the work. The analysis focuses on three areas: women facing fear and despair in childbirth and marriage, children navigating genetic mutations and the desire for normalcy, and soldiers from both sides seeking reconciliation. This article aims to advance literary discourse on the consequences of chemical warfare, foster social empathy, and highlight the novel's humanitarian significance.